

# ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ ỨNG DỤNG CÁC PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY ĐẠI HỌC HIỆN ĐẠI TRONG CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC THỂ CHẤT TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN HIẾN

ThS. Võ Minh Tuấn<sup>1</sup>; ThS. Nguyễn Văn Quyết<sup>2</sup>

**Tóm tắt:** Với sự thay đổi kỷ nguyên số hiện nay con người đang từng bước tiến tới sự phát triển vượt bậc đặc biệt là góp mặt của trí tuệ nhân tạo đã thay đổi toàn bộ cuộc sống như kinh tế, chính trị, quốc phòng an ninh... Mạnh mẽ nhất là Giáo dục, đặc biệt là giáo dục đại học, giáo dục đại học vừa đóng vai trò đào tạo vừa đóng vai trò tiên phong trong công cuộc thay đổi toàn diện, mạnh mẽ này. Nghiên cứu đã mạnh dạn đánh giá việc ứng dụng các phương pháp giảng dạy đại học hiện đại của Viện Truyền thông và Thể thao Trường đại học Văn Hiến để để thấy được những ưu điểm tích cực trong Giáo dục đại học hiện nay. Nhóm nghiên cứu đã thực hiện các phương pháp nghiên cứu thông dụng để đưa ra được kết quả hữu ích nhất trong công tác đào tạo giảng dạy Giáo dục thể chất ở Viện Truyền thông Thể thao Trường đại học Văn Hiến.

**Từ khóa:** Đại học, Giáo dục, Giáo dục thể chất, Giảng dạy, Phương pháp, Viện Truyền thông và Thể thao Trường đại học Văn Hiến.

**Abstract:** With the change of the current digital era, people are gradually moving towards outstanding development, especially with the presence of artificial intelligence, which has changed all aspects of life such as economics, politics, national defense and security... most strongly in Education, especially higher education, higher education plays both a training role and a pioneering role in this comprehensive and strong change. The study has boldly evaluated the application of modern university teaching methods of the Institute of Communication and Sports, Van Hien University to see the positive advantages in current university education. The research team has implemented common research methods to provide the most useful results in the training and teaching of Physical Education at the Institute of Communication and Sports, Van Hien University.

**Keywords:** University, Education, Physical Education, Teaching, Methods, Institute of Communication and Sports, Van Hien University.

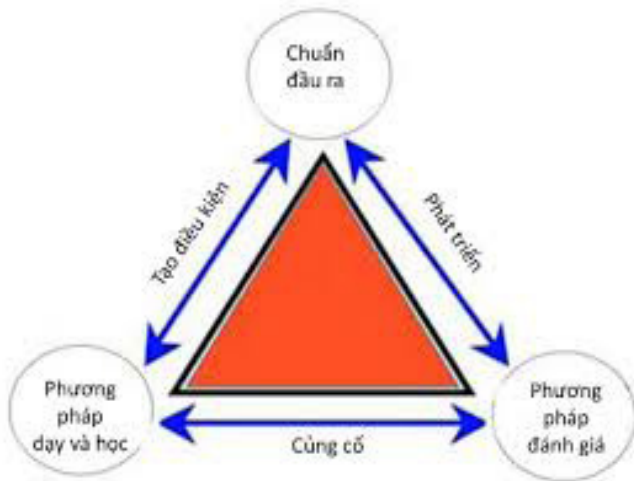
## 1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Việt Nam đang trong giai đoạn chuyển tiếp sang nền kinh tế tri thức, vai trò của các trường đại học đóng góp cho sự tăng trưởng kinh tế càng trở nên quan trọng hơn bao giờ hết. Một trong những thách thức lớn mà các trường đại học phải đối mặt là làm thế nào để đào tạo được sinh viên đáp ứng nhu cầu phát triển của xã hội. Hiểu rõ vấn đề trên nên trong những năm gần đây Trường đại học Văn Hiến luôn tiếp cận, thay đổi, cải cách, nâng cao trình độ chuyên môn cho đội ngũ quản lý, giảng viên (GV) để phù hợp với xu thế thời đại.

Ở Viện Truyền thông và thể thao Trường đại học Văn Hiến (V. TT&TT VHU) những ngày đầu tiếp cận với phương pháp giảng dạy đại học (PPGDĐH) hiện đại gặp nhiều khó khăn, thứ nhất là nền giáo dục chịu ảnh hưởng lớn của đại dịch COVID-19 cần phải thay đổi phương

thức đào tạo. Thứ hai là trình độ và tiếp cận với PPGDĐH của đội ngũ GV còn hạn chế chưa hiểu rõ và sâu vấn đề. Sau thời gian nỗ lực của đội ngũ GV cũng như sự quan tâm chỉ đạo ban giám hiệu thì lực lượng GV V. TT&TT VHU đã tiếp cận được PPGDĐH hiện đại. Đó là bước đệm quan trọng để V. TT&TT VHU tiếp tục đổi mới phương pháp giảng dạy phù hợp với tầm nhìn chung của nhà trường. Một trong những cải cách nổi bật của V. TT&TT VHU là tiếp cận để nâng cao chất lượng và chuẩn hóa chương trình đào tạo. Trong đó, V. TT&TT VHU đã và đang thực hiện các PPGDĐH hiện đại như CDIO, OBE trong chương trình đào tạo giảng dạy giáo dục thể chất (GDTC).

Đợt 1 học kỳ 1 năm học 2024 – 2025 V. TT&TT VHU đã áp dụng thí điểm một số lớp bằng phương pháp dạy học chuẩn đầu ra (OBE) vào chương trình học GDTC.



**Hình 1. Mô hình giảng dạy chuẩn đầu ra.**

Trước sự đổi mới toàn diện của V. TT&TT VHU nhóm tác giả tiến hành nghiên cứu **“Đánh giá kết quả ứng dụng các phương pháp giảng dạy đại học hiện đại trong chương trình đào tạo giáo dục thể chất Trường đại học Văn Hiến”** nhằm thấy được những giá trị giáo dục và kết quả đạt được trong đào tạo sinh viên (SV) chất lượng cao.

Trong quá trình thực hiện nhóm tác giả đã sử dụng những phương pháp nghiên cứu thường qui sau: Thống kê các dữ liệu hiện hành, thu thập dữ liệu đã được công bố trên hệ thống quản lý của trường.

Phòng vấn trực tiếp các chuyên gia đang công tác quản lý, giảng viên, SV về chương trình đổi mới PPGDDH trong chương trình đào tạo GDTC của V.TT&TT VHU và một số trường đại học phát triển khác trên địa bàn thành phố.

## 2. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ BÀN LUẬN

### 2.1. Kết quả nghiên cứu thực trạng chương trình

#### đào tạo GDTC

\* **Nguồn lực nhân sự được trình bày tại bảng 1.**

Qua bảng 1 cho thấy: Có 31 GV đang công tác ở V.TT&TT VHU trong đó có 22 GV thỉnh giảng, đa phần GV có trình độ là ThS. Chỉ có 8 GV là TS và chuẩn bị hoàn thành xong chương trình TS, GV Nam chiếm tỷ lệ gấp 9 lần so với GV Nữ, kinh nghiệm công tác trong giảng dạy là khá cao, hầu hết GV có kinh nghiệm trên 5 năm, độ tuổi của GV khá trẻ cao nhất là 51 tuổi. Ngoài 9 GV cơ hữu thì V.TT&TT VHU còn có 1 Viện trưởng và 2 Viện phó và 7 chuyên viên chuyên trách.

Hiện tại trong V.TT&TT VHU có 31 GV so với năm học 2023 – 2024 thì đội ngũ giảng viên đã tăng lên cả về chất lượng và số lượng. V.TT&TT VHU có 6 GV giảng dạy thêm trên mô hình công nghệ số, 8 GV đang giảng dạy theo các mô hình PPGDDH trong đợt 1 học kỳ 1 năm 2024-2025.

V.TT&TT VHU có đội ngũ GV giảng dạy chất lượng. Với lực lượng nhân sự còn trẻ thì V.TT&TT VHU cần có kế hoạch đào tạo và nâng cao trình độ chuyên môn đặc biệt về các phương pháp giảng dạy tiên tiến.

\* **Công trình thể thao được trình bày tại bảng 2**

Công trình thể thao của V.TT&TT VHU đầy đủ và rất hiện đại, đáp ứng được công tác học, tập luyện thể thao ngoại khóa và tổ chức thi đấu. Tuy nhiên hiện tại các công trình thể thao của V.TT&TT VHU còn một số điều tồn đọng sau:

Công trình thể thao không tập trung tại một cơ sở nên công tác quản lý và tổ chức còn gặp một số khó khăn.

**Bảng 1. Nhân sự GV của V.TT&TT VHU**

Bảng tính	Nhân sự		Trình độ				Giới tính		Kinh nghiệm	
	Cơ hữu	Thỉnh giảng	TS	NCS	ThS	CN	Nam	Nữ	5-10 năm	10> năm
Số liệu	9	22	4	5	23	0	28	3	12	19
Tỉ lệ %	29%	71%	13%	16%	71%	0%	90%	10%	39%	61%

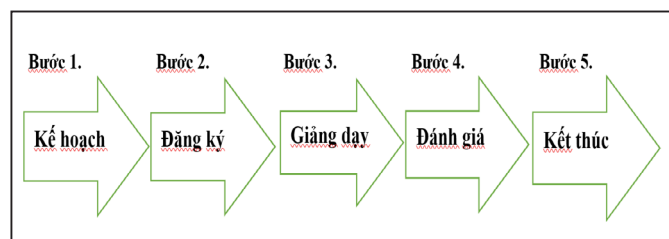
**Bảng 2. Công trình thể thao V.TT&TT VHU**

TT	Công trình	Số lượng	Môn học	Loại hình	Diện tích
1	Sân Bóng đá	1	Bóng đá	Cỏ nhân tạo	8000 m <sup>2</sup>
2	Khu Thể thao ngoài trời	2	Bóng Rổ, Bóng chuyền	Xi măng	3000 m <sup>2</sup>
3	Nhà thi đấu	1	Cầu lông, Tawekondo, Cờ vua	Chuẩn	2000 m <sup>2</sup>
4	Hồ bơi	1	Bơi lội	Chuẩn	1250 m <sup>2</sup>
5	Phòng Gym	1	Gym, Yoga	Chuẩn	870 m <sup>2</sup>

Công tác bảo quản, bảo trì và sửa chữa các công trình chưa có quy trình cụ thể vì hệ thống quản lý của các phòng ban và V.TT&TT chưa thống nhất quy trình.

Kho quản lý dụng cụ tập luyện chưa hoàn thiện và nhân sự quản lý kho vẫn là nhân viên kiêm nhiệm.

\* Quy trình đào tạo và học liệu như sơ đồ 1 và bảng 3.



### Sơ đồ 1. Quy trình giảng dạy

Quy trình đào tạo GDTC ở V.TT&TT VHU rất khoa học và rất chất lượng, các giai đoạn thực hiện của quy trình đều được giám sát, kiểm tra và quản

lý chặt chẽ trên các phần mềm tin học hóa, tiến độ công việc được trưởng bộ và lãnh đạo Viện theo sát.

Học liệu giảng dạy của V.TT&TT VHU vẫn chưa hoàn thiện hết tất cả. Hầu như bộ học liệu đều từ GV xây dựng và lấy từ các trang mạng truyền thông đại chúng, chưa đầu tư có chiều sâu. Học liệu còn mang tính cá nhân chỉ có lãnh đạo Viện duyệt, chưa có một tiêu chí đánh giá, kiểm định cụ thể cho bộ học liệu.

## 2.2. Kết quả ứng dụng phương pháp giảng dạy đại học hiện đại

### 2.2.1. Phương pháp giảng dạy đại học ở V.TT&TT VHU

Kết quả trình bày tại bảng 4 và 5 cho thấy: Trong đợt 1 học kỳ 1 năm học 2024 - 2025 V.TT&TT VHU bắt đầu ứng dụng các PPGDDH hiện đại trong chương trình giảng dạy GDTC. Trong 162 lớp học có 128 lớp học giảng dạy trực tiếp với

**Bảng 3. Học liệu GDTC của V.TT&TT VHU**

Thống kê	BL	BĐ	BR	BC	TWD	CV	Yoga	Gym
Giáo trình	x	x	x	x	x	x	x	x
Hồ sơ môn học	x	x	x	x	x	x	x	x
Đề cương chi tiết	x	x	x	x	x	x	x	x
Video bài giảng	x	x	x	x			x	x
Video tham khảo	x	x	x				x	x
Slide tham khảo	x	x	x				x	x
Tài liệu tham khảo	x	x	x				x	x
Tiêu chí kết thúc	x	x	x	x	x	x	x	x

**Bảng 4. Phương pháp giảng dạy**

Bảng tính	Số lớp GDTC đợt 1 2024 - 2025							
	BL	BĐ	BR	BC	TWD	CV	Yoga	Gym
Giảng dạy trực tiếp	20	23	15	22	12	14	12	10
Giảng dạy Online	1	2	2	2	1	2	2	2
Giảng dạy OBE	1	3	2	2	2	2	3	3
Tổng	22	28	19	26	15	18	17	15

**Bảng 5. SV học tập**

Bảng tính	Số SV học GDTC								Tổng
	BL	BĐ	BR	BC	TWD	CV	Yoga	Gym	
Giảng dạy trực tiếp	1200	1380	900	1320	720	840	720	600	7680
Giảng dạy Online	60	120	120	120	60	120	120	120	840
Giảng dạy OBE	60	180	120	120	120	120	180	180	1080
Tổng	1320	1680	1140	1560	900	1080	1020	900	9600

7.680 SV theo học , 16 lớp học dạy hoàn toàn online có 840 SV học, 18 lớp học giảng dạy theo PPGDDH chuẩn OBE có 1080 SV.

### 2.2.2. Kết quả nghiên cứu về ứng dụng

Kết quả SV theo học được trình bày tại bảng 6 cho thấy: SV theo học GDTC của V.TT&TT VHU là rất cao. Theo thông kê trong các lớp GD trực tiếp tỷ lệ SV theo học đạt 97%. Các lớp GD Online có tỷ lệ là 98%. Trong đó cao nhất giảng dạy trực tiếp + học liệu có 1080 SV đăng ký học đến thi cuối kỳ còn 1078 SV đạt tỷ lệ 99,8%. Từ đó cho ta thấy chương trình đào tạo GDTC của V.TT&TT VHU rất chất lượng nên SV học đầy đủ. Bước đầu thí điểm ứng dụng PPGDDH theo chuẩn OBE vào giảng dạy đã thu hút được SV quan tâm và theo học.

Kết quả kiểm tra đánh giá tại bảng 7 cho thấy: Sau khi ứng dụng thí điểm phương pháp dạy học chuẩn đầu ra cho ta kết quả: Tiêu chí chấm thi kết thúc môn rõ ràng giúp SV nắm được quy định của môn học chủ động trong kế hoạch học tập. Kết quả điểm thi của SV đạt rất cao. Tỷ lệ SV đạt điểm A chiếm 78% trong đó điểm 10 đạt 48% và điểm 9 là 30%, Với lớp học truyền thống là 32% số lượng sinh viên đạt điểm tối đa chỉ là 8% điểm 9 tỷ lệ 24%, với lớp học online tỷ lệ SV đạt điểm 10 chỉ có 1% và điểm 9 tỷ lệ 15%. Ngoài ra SV của lớp học online đạt điểm cao khá thấp vẫn có 18% SV chỉ có 6 điểm.

### 3. KẾT LUẬN

Ứng dụng phương pháp giảng dạy OBE vào chương trình đào tạo GDTC ở V.TT&TT VHU đã thu hút được sự quan tâm của người học, tỷ lệ SV đăng ký lớp học cao và duy trì học đến cuối kỳ đạt đến 99,8%. Kết quả SV theo học kiểm tra cuối kỳ đạt kết quả cao, trong đó SV đạt điểm 10 là 48%,

điểm 9 là 30%, 21% SV đạt điểm 8 và chỉ tồn tại 1% SV được 7 điểm. Qua đây thấy rõ được PPGDDH hiện đại mà V.TT&TT VHU là phù hợp và nên phát triển trong chương trình đào tạo GDTC.

Ngoài những mặt đạt được thì V.TT&TT VHU cần có kế hoạch cụ thể để phát triển bộ học liệu đầy đủ và chất lượng, cần có những thang đo kiểm định chất lượng cho bộ học liệu. Mặc khác việc quan tâm về cơ sở vật chất cũng chú trọng hoàn thiện và đưa thêm một số môn học vào giảng dạy để người học có nhiều lựa chọn trong kế hoạch học tập.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Hoàng Hải Dương và Phạm Xích Nam. (2024). "Thực trạng chương trình đào tạo giáo dục thể chất của Viện Truyền thông và thể thao trường đại học Văn Hiến năm học 2023 – 2024." Tạp chí Khoa học thể thao.

2. Nguyễn Văn Hòa và Trần Văn Lam. (2019). *Thực trạng và giải pháp nâng cao chất lượng GDTC và thể thao trong trường đại học trên toàn quốc. Tạp chí Khoa học thể thao. Kỷ yếu khoa học toàn quốc về Công tác GDTC và TDTT các trường đại học, cao đẳng năm 2019.* Nxb Đại học Cần Thơ.

3. Thủ tướng Chính phủ (2016), *Quyết định số 1076/QĐ-TTg ngày 17/6/2016 phê duyệt Đề án tổng thể phát triển GDTC và thể thao trường học giai đoạn 2016-2020, định hướng đến năm 2025.*

*Nguồn bài báo: Sáng kiến kinh nghiệm giảng dạy thực tế "Đánh giá kết quả ứng dụng các phương pháp giảng dạy đại học hiện đại trong chương trình đào tạo giáo dục thể chất trường đại học Văn Hiến"* ThS. Vũ Minh Tuấn và ThS. Nguyễn Văn Quyết.

*Ngày nhận bài: 12/8/2024; Ngày duyệt đăng: 25/01/2025.*

**Bảng 6. thống kê sinh viên học GDTC**

Bảng tính	Số lượng ban đầu	Số lượng kết thúc	Tỷ lệ
Giảng dạy trực tiếp	7680	7456	97%
Giảng dạy Online	840	821	98%
Giảng dạy OBE	1080	1078	99,8%
<b>Tổng</b>	<b>9600</b>	<b>9355</b>	<b>98%</b>

**Bảng 7. Thống kê kết quả học tập**

Thống kê	Điểm 10		Điểm 9		Điểm 8		Điểm 7		Điểm 6	
	SL	TL%	SL	TL%	SL	TL%	SL	TL%	SL	TL%
Giảng dạy trực tiếp	634	8	1835	24	4209	55	1002	13	0	0
Giảng dạy Online	9	1	127	15	208	25	341	41	155	18
Giảng dạy OBE	324	30	513	48	228	21	15	1	0	0